

ĐỀ CHÍNH THỨC

Tên Chủ đề	Cấp độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
						Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
		TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1. Cơ học		Biết đổi đơn vị. (C5)		Biết tóm tắt bài tập. Hiểu được kết quả của tác dụng lực (C3; C7a)		Vận dụng công thức để tìm khối lượng riêng (C7b1)		Vận dụng công thức để tìm trọng lượng riêng (C7b2)		
Số câu			1	1	1		1		1	5
Số điểm			1,0	0,5	0,5		1,0		0,5	3,5
Tỉ lệ %			10%	5%	5%		10%		5%	35%
2. Sự nở vì nhiệt của các chất		Biết được sự nở vì nhiệt của các chất (C1; C2; C4)				Sự nở vì nhiệt của chất lỏng để giải thích hiện tượng trong thực tế (C6)				
Số câu		3					1			4
Số điểm		1,5					2,0			3,5
Tỉ lệ %		15%					20%			35%
3. Quang học				Biết cách vẽ tia phản xạ (C8a)		Biết vận dụng kiến thức vào tính góc tới và góc phản xạ (C8b)				
Số câu				1			1			2
Số điểm				1,5			1,5			3,0
Tỉ lệ %				15%			15%			30%
Tổng số câu		4		3		3		1		11
Tổng số điểm		2,5		2,5		4,5		0,5		10,0
Tỉ lệ %		25%		25%		45%		5%		100%

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm):

Hãy viết vào tờ giấy thi chữ cái đứng trước đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Trong thời gian vật đang đông đặc nhiệt độ của vật thay đổi thế nào?

- A. Luôn tăng. C. Luôn giảm.
B. Không đổi. D. Lúc đầu giảm, sau đó không đổi.

Câu 2: Quả bóng bàn bị bẹp một chút được nhúng vào nước nóng thì phồng lên như cũ vì:

- A. Không khí trong quả bóng nóng lên, nở ra.
B. Vỏ bóng bàn nở ra do bị ướt
C. Nước nóng tràn vào bóng.
D. Không khí tràn vào bóng.

Câu 3: Lúc quả bóng bàn rơi xuống chạm mặt bàn rồi nảy lên thì có thể xảy ra những hiện tượng gì với quả bóng?

- A. Chỉ có sự biến đổi chuyển động của quả bóng .
B. Chỉ có sự biến dạng chút ít của quả bóng .
C. Quả bóng bị biến dạng chút ít, đồng thời chuyển động của nó bị biến đổi .
D. Không có hiện tượng nào xảy ra cả .

Câu 4: Cách sắp xếp các chất nở vì nhiệt từ ít tới nhiều nào sau đây là đúng?

- A. Rắn, lỏng, khí. B. Rắn, khí lỏng.
B. Khí, lỏng, rắn. D. Khí, rắn, lỏng.

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Câu 5: (1,0 điểm): Điền số thích hợp vào chỗ trống (Ghi lại vào bài kiểm tra)

- a) $0,05\text{m}^3 = \dots\dots\text{dm}^3 = \dots\dots\text{cm}^3$ b) $2000\text{cm}^3 = \dots\dots\text{dm}^3 = \dots\dots\text{m}^3$
c) $12,5\text{dm}^3 = \dots\dots\text{l} = \dots\dots\text{ml}$ d) $520\text{mm}^3 = \dots\dots\text{cm}^3 = \dots\dots\text{dm}^3$

Câu 6: (2,0 điểm): Tại sao khi đóng chai, người ta không cho đầy nước ngọt vào chai mà phải chừa một khoảng trống trong chai?

Câu 7: (2,0 điểm): Biết một xe cát có thể tích 10m^3 , có khối lượng là 14 tấn

- a) Hãy tóm tắt bài tập?
b) Tính khối lượng riêng của cát.

Câu 8: (3,0 điểm): Một tia sáng SI chiếu đến gương phẳng. Góc hợp bởi tia sáng và gương phẳng bằng 50° .

- a) Hãy vẽ tia phản xạ.
b) Tính góc tới và góc phản xạ.

-----Hết-----

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm – Mỗi câu đúng cho 0,5 điểm)

	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	B	A	C	A

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Câu 5: (1,0 điểm):

Phần	Đáp án	Điểm
a	$0,05\text{m}^3 = 50\text{ dm}^3 = 50000\text{ cm}^3$	0,25
b	$2000\text{cm}^3 = 2\text{ dm}^3 = 0,002\text{ m}^3$	0,25
c	$12,5\text{dm}^3 = 12,5\text{ l} = 12500\text{ ml}$	0,25
d	$520\text{mm}^3 = 0,52\text{cm}^3 = 0,00052\text{ dm}^3$	0,25

Câu 6: (2,0 điểm):

Phần	Đáp án	Điểm
	Ứng dụng sự nở vì nhiệt của chất lỏng, khi trời nóng nước trong chai nở ra, khi bị cản trở sẽ gây ra lực lớn nếu đóng đầy chai có thể bị bật nắp.	2,0

Câu 7: (2,0 điểm):

Phần	Đáp án	Điểm
a	$v = 10\text{ m}^3$. $m = 14\text{ tấn} = 14000\text{kg}$. a) $D = ?$ b) $d = ?$	0,5
b	Giải Khối lượng riêng của cát là: $D = \frac{m}{v} = \frac{14000}{10} = 1400\text{ (kg/m}^3\text{)}$	1,5

Câu 8: (3,0 điểm):

Phần	Đáp án	Điểm
a	Vẽ hình đúng, đẹp	1,5
b	Tính được góc tới, góc phản xạ là: $i = i' = 30^\circ$	1,5

Lưu ý: Học sinh giải bằng cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.